

## NHẬN XÉT PHỤC HÌNH TRÊN IMPLANT CHỊU LỰC TỨC THÌ VÙNG RĂNG SỐ 6 HÀM DƯỚI

Đỗ Đình Hùng\*

### TÓM TẮT

Nghiên cứu đặt implant chịu lực tức thì trên vùng răng hàm thứ 1 hàm dưới với 50 bệnh nhân (BN) (54 implant).

Kết quả cho thấy: 94,44% implant vững ổn tức thì. Sau 1 năm theo dõi, 100% cho kết quả tốt.

\* Từ khóa: Implant; Chịu lực tức thì; Răng số 6 hàm dưới.

## PROSTHODONTICS RESULTS OF SINGLE MANDIBULAR FIRST MOLAR IMPLANT WITH IMMEDIATE FUNCTION

### SUMMARY

The author had studied 50 patients (54 implants) having single mandibular first molar implant with immediate function. Results: Implant with immediate function rate was 94.44% and survival rate for implant was 100% after 1 year follow-up.

\* Key words: Implant; Immediate function; Single mandular first molar.

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, việc đặt implant được sử dụng rộng rãi trong những năm gần đây, nhờ sự phát triển của đất nước cũng như hiểu biết của người dân. Các nhà lâm sàng áp dụng kỹ thuật này để giải quyết trụ cho phục hình cố định mà trước đây không làm được hoặc phải mài các răng kế bên.

Theo nhiều tài liệu thống kê cho thấy: răng số 6 hàm dưới có tỷ lệ mất răng nhiều nhất, do răng này mọc sớm nhất trên xương hàm và giữ một vai trò quan trọng trong sức nhai của BN.

Để đánh giá khả năng phục hình trên vùng răng được cấy implant chịu lực tức

thì, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu: *Tìm giải pháp đơn giản, an toàn cho phẫu thuật và đánh giá khả năng chịu lực tức thì của các implant được đặt.*

### ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Đối tượng nghiên cứu.

50 BN, trong đó 27 nữ và 23 nam, tuổi trung bình 42 (từ 22 - 66 tuổi), với tổng số 54 implant; trong đó, 25 implant đặt bên hàm trái và 30 implant đặt bên phải.

4 BN đặt cả 2 bên trong cùng một lần phẫu thuật.

\* Bệnh viện An Sinh

Phản biện khoa học: PGS. TS. Trương Uyên Thái

**2. Phương pháp nghiên cứu.**

- Chụp ảnh, chụp X quang phim quanh chóp và toàn cảnh để quyết định kích thước implant.

- Lấy khuôn răng hàm dưới, dùng kỹ thuật lập bản đồ xương (bone mapping) để xác định bề rộng (ngoài - trong) của xương hàm.

- Làm máng hướng dẫn bằng nhựa trong tự cứng dựa vào phân tích trên. Đo độ bình ổn của implant bằng chỉ số ISQ.

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

50 BN với 54 implant được theo dõi sau 1 năm cho thấy.

*Bảng 1:* Đường kính và chiều dài implant.

KÍCH THƯỚC IMPLANT	4,3 x 10	4,3 x 13	5 x 10	5 x 13	6 x 10	6 x 13	TỔNG SỐ
n	10	26	9	7	1	1	54

Kích thước implant được sử dụng nhiều nhất là 4,3 x 13; ít nhất 6 x 10 và 6 x 13. Kích thước 4,3 x 13 sử dụng nhiều nhất vì xương hàm dưới bị tiêu nhiều theo chiều ngoài trong [3].

*Bảng 2:* Bảng theo dõi tình trạng implant sau cấy.

THỜI GIAN \ SỐ IMPLANT	THÀNH CÔNG		THẤT BẠI	
	n	%	n	%
3 tháng	54	100	0	0
> 1 năm	54	100	0	0

Sau 3 tháng - 1 năm, tỷ lệ thành công 100%, chứng tỏ xương hàm dưới là xương đặc hơn hàm trên, khả năng tích hợp xương tốt [1], implant hoàn toàn không bị thất bại.

*Bảng 3:* Đo độ vững ổn của implant trong 12 tháng bằng chỉ số ISQ.

THỜI GIAN	NGAY SAU KHI ĐẶT IMPLANT	3 THÁNG	6 THÁNG	12 THÁNG
Chỉ số trung bình	71,9	68,9	72,5	74,1

Độ vững ổn của implant có thể xác định dựa trên cảm giác của tay khi sử dụng dụng cụ vặn implant bằng tay có xác định bằng thước đo lực từ 30 - 50 Ncm ở 3 vòng cuối [2].

Ngay sau khi đặt lực ổn định 71,9, sau 3 tháng giảm xuống còn 68,9 và tăng dần độ vững ổn theo thời gian. Có 3 implant bị mất độ vững ổn trong tháng đầu.

*Bảng 4:* Chỉ số ISQ theo dõi 12 tháng.

BN	SAU ĐẶT	1 THÁNG	3 THÁNG	6 THÁNG	12 THÁNG
BN 1	74	54	66	66	74
BN 2	73	52	65	70	73
BN 3	75	41	69	74	74

Như vậy, độ vững ổn của 3 implant chỉ bị giảm trong tháng đầu, sau kiểm tra không cho chịu lực tức thì, độ bình ổn sẽ khôi phục và tăng dần, đạt đến độ vững ổn cần thiết như ban đầu. Tỷ lệ đạt độ vững ổn tức thì 94,44%.

*Bảng 5:* Độ tiêu xương vùng quanh implant.

THỜI GIAN	MẶT GẦN (mm)	MẶT XA (mm)
3 tháng	0,63	0,86
12 tháng	1,06	1,17

Độ tiêu xương tăng dần theo thời gian, nhưng ở mức độ thấp, cho phép [4, 5]. Xương quanh implant ở phía xa tiêu nhiều hơn phía gần.

### KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu 50 BN với 54 implant được đặt ở vùng răng 6 hàm dưới cho thấy: việc đặt implant chịu lực tức thì có thể thực hiện với độ an toàn và thao tác đơn giản. Sau 1 năm, mức độ tiêu xương quanh implant ở phía gần 1,06 mm và phía xa 1,17 mm. Tỷ lệ vững ổn của implant sau 1 năm theo dõi có chỉ số ISQ trung bình 74,1. Tỷ lệ thành công sau 1 năm 100%.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Branemark PI, Hansson BO, Adell R, Breine U, Lindstrom J, Hallen O, et al.* Osseointegrated implants in the treatment of the edentulous jaw. Experience from a 10-year period. *Scand J Plast Reconstr Surg.* 1977, 16, pp.1-132.
2. *Henry PJ, Laney WR, Jemt, T, Harris D, Krogh PH, Polizzi G, et al.* Osseointegrated implants for single-tooth replacement: A prospective 5-year multicenter study. *Int J Oral Maxillofac Implants.* 1996,11, pp.450-455.
3. *Palmer RM, Smith BJ, Palmer PJ, Floyd PD.* A prospective study of astra single tooth implants. *Clin Oral Implants Res.* 1997, 8, pp.173-179.
4. *Schiller H, Urgell JP, Kultje C, Klineberg L, Goldberg PV, Stevenson Moore P, et al.* A 5-year multicenter study on implant supported single crown restoration. *Int J Oral Maxillofac Implants.* 1998, 13, pp.212-218.
5. *Calandriello R., Tomatis M, Rangert B.* Immediate functional loading of Branemark system implants with enhanced initial stability: A prospective 1 to 2 - year clinical and radiographic study. *Clin Implant Dent Relat Res.* 2003, 5, Suppl 1, pp.10-20.

